

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LƯƠNG SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2022/HNGĐ -ST

Ngày: 07/09/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Kim Hợp và ông Trần Ánh Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 28/06/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trịnh Quốc T – sinh năm 1957. Có mặt.

HKTT: Thôn 3/2A, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

*Bị đơn:* Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1960. Có mặt.

HKTT: Thôn 3/2A, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với

nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện CM, tỉnh HSB (nay là thành phố HN) vào ngày 02/01/1981. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà Th nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm ông. Cuối năm 1998 ông T nhận thầu hồ ao của nông trường Lương Mỹ nên vợ chồng sống ly thân từ năm 1999 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Đặng Thị Th ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con, tên là Trịnh Thị Th, sinh năm 1981; Trịnh Thị H, sinh năm 1984; Trịnh Văn T, sinh năm 1987. Các con ông bà đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Biên bản hòa giải bị đơn bà Đặng Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1981, có đăng kí kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện CM, tỉnh HSB (nay là thành phố HN). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có người đàn bà khác, cờ bạc, về nhà đánh đập vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1999 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay ông T có đơn xin ly hôn với bà, bà không đồng ý vì hiện nay bà đã có tuổi, bà không làm gì sai trái, ông T muốn làm gì thì làm, bà xin được đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2022 bà Đặng Thị Th thay đổi lời khai, bà cho rằng bà và ông T chung sống hạnh phúc khi kết hôn đến khoảng tháng 2/2021. Ông bà mới xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T chuyển thầu hồ ao cho người khác, ông T về nhà sinh sống, bà có bảo với ông T là mua máy giặt cho con dâu, bà nhìn thấy con dâu hôm nào cũng giặt hai chậu quần áo trông khổ quá. Ông T không đồng ý và khi đó vợ chồng sống ly thân, ăn riêng không quan tâm đến nhau. Bà hiện nay đã có tuổi, bà không làm gì sai, bà xin đoàn tụ gia đình.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th lại xác nhận lời khai ban đầu của bà là đúng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không hòa thuận cãi chửi nhau. Từ năm 1999 ông T nhận thầu hồ ao nên ra đó ở luôn, thả thả bà có ra hồ thăm ông T nhưng ông T không cho bà ở

lại, chỉ những ngày lễ tết hoặc những khi gia đình có việc ông T mới về cùng gia đình ăn cơm. Vợ chồng ông bà sống ly thân khoảng hơn mười năm, nhưng nay bà có tuổi, bà không làm gì sai trái, bà xin được đoàn tụ gia đình.

Các con ông bà đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai của trưởng thôn 3/2A, các con ông bà T, Th là anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị H trình bày: ông Trịnh Quốc T và bà Đặng Thị Th có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 1999 đến nay. Anh T cho rằng mâu thuẫn của bố mẹ mình là do bố anh ông T có người phụ nữ khác, vài lần bố anh đánh mẹ anh, nhưng anh không muốn bố mẹ ly hôn, anh mong muốn bố mẹ sống hòa thuận với nhau. Chị H cho rằng mâu thuẫn giữa bố mẹ chị là do quá trình chung sống, mẹ chị có những lời lẽ xúc phạm đến bố chị, bố mẹ chị bất đồng trong cách nuôi dạy con cái nên đã xảy ra cãi vã. Bố mẹ chị sống ly thân từ lâu, khoảng năm 1999 đến nay, mẹ chị sống ở nhà, còn bố chị sống ở khu thau hồ ao, một năm bố chị chỉ về nhà ăn cơm cùng gia đình hai ba lần, tuy nhiên chị không muốn bố mẹ ly hôn, chị mong muốn bố mẹ đoàn tụ.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Quốc T:

+ Xử cho ông Trịnh Quốc T và bà Đặng Thị Th được ly hôn.

+ Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành, có gia đình riêng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- + Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về án phí: Ông Trịnh Quốc T là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Quốc T xin ly hôn bà Đặng Thị Th là quan hệ hôn nhân và gia đình. Bà Đặng Thị Th hiện đang ở: Thôn 3/2A, xã LS, huyện LS, tỉnh HB thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Quốc T và bà Đặng Thị Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1981 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện CM, tỉnh HSB (nay là thành phố HN) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo ông T trình bày: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1998 thì mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, ông bà sống ly thân từ năm 1999 đến nay không quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T và bà Th được ly hôn.

Bà Đặng Thị Th cũng xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn giữa ông bà như ông T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình lúc đầu bà trình bày là do ông T có người phụ nữ khác về nhà đánh chửi vợ con nên vợ chồng mâu thuẫn, ông bà sống ly thân từ năm 1999 đến nay không quan tâm đến nhau, sau đó bà lại trình bày ông bà sống hạnh phúc từ khi kết hôn năm 1981 đến khoảng tháng 02/2021 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà nói ông T cho con dâu tiền mua máy giặt, ông T không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, ông bà mới sống ly thân được khoảng hơn một năm. Bà đã có tuổi, bà không làm gì sai, bà xin đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th lại khẳng định mâu thuẫn vợ chồng bà là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng ông bà sống ly thân khoảng hơn mười năm nhưng bà không đồng ý ly hôn, bà xin đoàn tụ gia đình vì hiện nay bà đã già.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Th xin đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa ông Trịnh Quốc T với bà Đặng Thị Th diễn ra trong một thời gian dài và đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không còn tồn tại: ông T trình bày ông và bà Th sống ly thân từ năm 1999 đến nay không quan tâm đến nhau, bà Th cũng xác nhận hai ông bà sống ly thân khoảng hơn mười năm. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông Trịnh Quốc T được ly hôn với bà Đặng Thị Th.

[2.2] Về nuôi con chung: Các con ông bà đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Ông Trịnh Quốc T là người cao tuổi nhưng ông T không có đơn xin miễn án phí nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Quốc T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trịnh Quốc T được ly hôn với bà Đặng Thị Th.

2. Về án phí: Ông Trịnh Quốc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003487, ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- UBND xã Liên Sơn
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Chu Thị Lan Anh**

